

Bản án số: 146/2026/HS-ST
Ngày 05-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Nhạn.

Bà Phạm Thị Vĩnh .

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 115/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2026/HSST-QĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1993 tại Ninh Bình, căn cước công dân số: 037093003032; nơi cư trú: Thôn Á, xã T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17 tháng 3 năm 2026 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Minh N - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; có mặt.

- Bị hại: Bà Khương Thị T1 (đã chết); người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh Lê Đức T2, sinh năm 1984, căn cước công dân số: 031084003569 và anh Lê Văn C, sinh năm 1988, căn cước công dân số: 031088004779 (đều là con bà Khương Thị T1); cùng nơi cư trú: Số C H, phường L, thành phố Hải Phòng; đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 50 phút ngày 27/12/2025, Nguyễn Văn Q điều khiển xe ô tô trộn bê tông biển kiểm soát (BKS) 15C - 331.61 đi trên đường N theo hướng từ cầu A đi ngã tư Á tại làn đường sát dải phân cách. Khi đến nút giao Cơ Điện, thuộc phường A, Q điều khiển xe đi thẳng và quan sát qua gương chiếu hậu bên phải thấy xe đạp điện do bà Khương Thị T1 điều khiển đi phía sau cùng chiều vượt bên phải xe của Q lên phía trước, sau đó bà T1 cho xe chuyển hướng sang trái trước đầu xe của Q, cùng lúc đó Q cúi xuống nhặt đồ không quan sát nên xe ô tô đã đâm vào làm xe đạp điện cùng bà T1 bị cuốn vào gầm, xe ô tô đi tiếp khoảng 03-04 mét thì Q phát hiện ra cho xe dừng lại. Hậu quả tai nạn làm bà T1 bị tử vong tại chỗ.

Khám nghiệm hiện trường, xác định: Vị trí xảy ra tai nạn tại đoạn đường N, chiều từ cầu A đi nút giao Cơ Điện, mặt đường rộng 8m, chia làm 02 làn bởi vạch đơn, đứt nét, màu trắng. Lấy cột đèn ký hiệu TĐT-QL5/L2-13 làm điểm mốc và mép vỉa hè bên phải theo chiều từ cầu A đi nút giao Cơ Điện làm mép đường chuẩn. Mặt đường có vết cày xước không liên tục dài 13,5m, rộng nhất 0,7m, điểm đầu cách điểm mốc 5,7m, cách mép đường chuẩn 5,4m, điểm cuối nằm tương ứng vị trí dưới gầm khu vực giữa hai trục bánh sau xe ô tô trộn bê tông; vết trượt quệt kết hợp văng bắn dạng dịch cơ thể người đã khô xen lẫn tạp chất dạng tổ chức não, có điểm đầu cách điểm mốc 8,3m, cách mép đường chuẩn 4,9m, điểm cuối tương ứng vị trí tử thi bà Khương Thị T1 dưới gầm xe ô tô trộn bê tông. Xe ô tô BKS 15C-331.61 đỗ dọc, trục bánh sau cùng bên phải cách điểm mốc 15,2m, trục bánh trước bên phải cách điểm mốc 20m, cách mép chuẩn 3,9m, mặt lăn lốp các bánh xe trên hai trục phía sau có bám dính tạp chất màu trắng hồng (dạng dịch cơ thể người và tổ chức não). Xe đạp điện dưới gầm giữa hai trục bánh sau xe ô tô. Tử thi bà T1 nằm sấp, đầu cách điểm mốc 16,9m, cách mép chuẩn 5m. Các dấu vết đều theo chiều từ cầu A đi nút giao Cơ Điện.

Khám nghiệm phương tiện: Xe ô tô BKS 15C - 331.61 mặt dưới gầm cầu hàng bánh thứ nhất và thứ hai có dấu vết trượt xước kim loại, mất bụi đất và rỉ sét màu nâu, bám dính tạp chất màu đen, xanh (dạng sơn) theo chiều từ trước về sau. Xe đạp điện tại càng giảm xóc bên trái bánh sau bị gãy rời, cong vênh kim loại, rơi rụng khỏi vị trí ban đầu, bề mặt trượt xước mất sơn màu đen, bám dính tạp chất màu nâu (dạng bụi đất và rỉ sét); ốp nhựa phía trên liền kề bị trượt xước mất sơn màu xanh, bám dính tạp chất màu nâu (dạng bụi đất và rỉ sét) theo chiều từ trái sang phải.

Kết luận giám định số 347/KL-KTHS ngày 26/01/2026 của Phòng K Công an thành phố H, kết luận: “Dấu vết trượt xước kim loại, bề mặt mất bụi đất và rỉ sét màu nâu, bám dính tạp chất màu đen (dạng dầu lún trộn bùn đất) và màu xanh (dạng sơn) theo chiều từ trước về sau ở mặt dưới gầm cầu hàng bánh thứ 2 (tính từ trước về sau) trên xe ô tô mang biển kiểm soát: 15C - 331.61 phù hợp với dấu vết dòn ép gãy kim loại, bề mặt trượt xước mất tạp chất dạng dầu lún trộn bùn đất (màu đen), bám dính tạp chất màu nâu (dạng bụi đất và rỉ sét) theo chiều từ trái sang phải ở càng giảm xóc bên trái bánh sau và dấu vết trượt xước mất sơn màu xanh, bám dính tạp chất màu nâu (dạng bụi đất và rỉ sét) theo chiều từ trái sang phải ở ốp nhựa phía trên liền kề trên xe đạp điện. Dấu vết trên hai phương tiện ở các vị trí này có đặc điểm giống với đặc điểm các dấu vết được hình thành khi xe đạp điện ở trạng thái đổ nghiêng bên phải trên mặt đường va chạm với xe ô tô mang biển kiểm soát 15C -

331.61. Không đủ cơ sở xác định phần đường xảy ra va chạm giữa xe ô tô mang biển kiểm soát: 15C - 331.61 với xe đạp điện không mang biển kiểm soát. Không đủ cơ sở xác định tốc độ của xe ô tô mang biển kiểm soát: 15C - 331.61 và xe đạp điện tại thời điểm xảy ra tai nạn”.

Kết luận giám định tử thi số 20/KL-KTHS ngày 05/01/2026 của Phòng K Công an thành phố H, kết luận: Các thương tích trên tử thi nạn nhân Khương Thị T1 có đặc điểm hình thành do vật tày tác động. Nguyên nhân chết: Sốc đa chấn thương.

Kết luận giám định hóa pháp số 118/PY-XNĐH ngày 12/01/2026 của V, kết luận: Không tìm thấy E, các chất ma túy, các chất độc trong mẫu máu của nạn nhân Khương Thị T1.

Kết quả xét nghiệm ngày 27/12/2025 của Trung tâm y tế A xác định: Nguyễn Văn Q không có nồng độ cồn, ma túy trong máu.

Kết luận định giá tài sản ngày 07/5/2026 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng phường A, kết luận: Giá trị thiệt hại của xe đạp điện là 4.250.000 đồng.

Kiểm tra camera hiện trường và camera hành trình của xe ô tô BKS 15C - 331.61, thể hiện: Ngay trước thời điểm xảy ra tai nạn, xe đạp điện do bà Khương Thị T1 điều khiển đi từ phía sau, vượt lên từ phía bên phải xe ô tô BKS 15C - 331.61 và di chuyển về phía trước đầu xe ô tô. Hai phương tiện di chuyển về phía nút giao Cơ Điện, phần đầu xe ô tô đâm vào phía sau xe đạp điện, tại thời điểm va chạm, tốc độ của xe ô tô là 18km/h.

Vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô BKS 15C-331.61 và các giấy tờ liên quan cho chủ sở hữu hợp pháp là Công ty Cổ phần T3; trả lại 01 xe đạp điện không biển kiểm soát cho đại diện gia đình bà Khương Thị T1; 02 USB chứa dữ liệu hình ảnh camera kèm theo hồ sơ vụ án và 01 giấy phép lái xe hạng C số 310207005204 cấp cho Nguyễn Văn Q ngày 06/3/2025, chuyển Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Hải Phòng quản lý.

Bản cáo trạng số 74/CT-VKS ngày 10/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng đã truy tố bị cáo về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và trình bày: Nguyên nhân gây tai nạn là do bị cáo không tuân thủ quy tắc giao thông đường bộ, không quan sát để giữ khoảng cách an toàn tối thiểu với xe phía trước ... nên đã đâm va vào xe đạp điện của bà Khương Thị T1. Bị cáo thừa nhận việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không oan sai, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật. Bị cáo đã bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của bị hại; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án cải tạo ngoài xã hội để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, làm công dân tốt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ; xử phạt bị cáo

mức án từ 18 tháng đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại 150.000.000 đồng, gia đình bị hại không có yêu cầu gì khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về biện pháp ngăn chặn: Huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về vật chứng: Trả lại 01 giấy phép lái xe hạng C số 310207005204 cấp ngày 06/3/2025 mang tên Nguyễn Văn Q cho bị cáo.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo: Nhất trí với Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án khoan hồng cải tạo ngoài xã hội và xử phạt bị cáo mức án thấp nhất theo mức án mà Kiểm sát viên tại phiên tòa đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên thu thập đã đầy đủ và theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về những người tham gia tố tụng: Người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người này.

- Về tội danh và hình phạt:

[4] Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn Q tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại; kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện; kết luận giám định pháp y và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ

sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 50 phút ngày 27/12/2025, tại đường N thuộc phường A, thành phố Hải Phòng, bị cáo điều khiển xe ô tô BKS 15C-331.61 theo hướng từ cầu A đi ngã tư Á, khi đến khu vực nút giao dưới gầm cầu vượt C đã đâm vào xe đạp điện do bà Khương Thị T1 điều khiển cùng chiều phía trước, hậu quả làm bà T1 tử vong tại chỗ, xe đạp điện thiệt hại 4.250.000 đồng. Bị cáo điều khiển xe ô tô không tuân thủ quy tắc giao thông đường bộ, không quan sát để giữ khoảng cách an toàn tối thiểu với xe phía trước và giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn khi có chướng ngại vật trên đường đã gây tai nạn làm 01 người chết, vi phạm khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 12 và khoản 2 Điều 22 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Bị hại điều khiển xe đạp điện tham gia giao thông không quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn là vi phạm khoản 3 Điều 12 và khoản 2 Điều 22 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật Hình sự; nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, không chỉ xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông, tính mạng của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự công cộng, an toàn xã hội nên việc xét xử đối với bị cáo là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ.

[6] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự; phạm tội không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại và tự thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến ... và được gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Xét căn cứ quyết định hình phạt: Bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử, xét thấy: Trong vụ án này, bị hại cũng có một phần lỗi khi tham gia giao thông không chú ý quan sát, giảm tốc hoặc dừng lại ... Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã nhận thức được sự sai trái của mình để khắc phục, sửa chữa, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo; bị cáo phạm tội với lỗi vô ý nên việc cho bị cáo được

hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung; đồng thời xử phạt ở mức thấp nhất theo mức án mà Kiểm sát viên đã đề nghị đối với bị cáo là thỏa đáng.

[8] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu với lỗi vô ý nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường 150.000.000 đồng theo yêu cầu của gia đình bị hại và gia đình bị hại đã nhận lại chiếc xe đạp điện của bà T1, không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về bồi thường dân sự.

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô BKS 15C-331.61 và các giấy tờ liên quan cho chủ sở hữu hợp pháp là Công ty Cổ phần T3 và trả lại 01 xe đạp điện không biển kiểm soát cho đại diện gia đình bị hại, là đúng quy định pháp luật. Đối với 02 USB ghi hình ảnh vụ tai nạn là tài liệu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 giấy phép lái xe hạng C số 310207005204 cấp ngày 06/3/2025 mang tên Nguyễn Văn Q: Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo nên căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo giấy phép lái xe này.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc được thực hiện theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi

hành án hình sự năm 2025. Người được hưởng án vi phạm nghĩa vụ được xử lý theo quy định tại Điều 89 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

2. Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 45; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Văn Q, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Về vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Trả lại 01 (Một) giấy phép lái xe hạng C số 310207005204 cấp ngày 06/3/2025 mang tên Nguyễn Văn Q cho bị cáo Nguyễn Văn Q.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/6/2026 của Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 2 - Hải Phòng).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn Q.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại (anh Lê Đức T2 và anh Lê Văn C) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKS nhân dân khu vực 2-Hải Phòng;
- Phòng THA dân sự khu vực 2-Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS Công an TP Hải Phòng (PC10);
- Công an TP Hải Phòng (PV06);
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- UBND (xã, phường, đặc khu) nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Đ Đoàn Văn N1

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thế Sự Đỗ Thị Viện

Nguyễn Thanh Tùng

cho bị cáo được hưởng án thấp nhất, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 đến dưới 16. Mặc dù giữa bị cáo và bị hại có tình cảm nam nữ, việc quan hệ tình dục là sự đồng thuận của cả hai bên. Tuy nhiên, bị hại là người chưa đủ 16 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế nên hành vi quan hệ tình dục tự nguyện này là trái pháp luật và bị nghiêm cấm. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm.